

QUYẾT ĐỊNH
Về việc ban hành Kế hoạch cơ cấu lại ngành nông nghiệp
tỉnh Bạc Liêu giai đoạn 2021 - 2025

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẠC LIÊU

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Quyết định số 255/QĐ-TTg ngày 25 tháng 02 năm 2021 của Thủ
tướng Chính phủ phê duyệt Kế hoạch cơ cấu lại ngành nông nghiệp giai đoạn
2021- 2025;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ
trình số 137/TTr-SNN ngày 12 tháng 5 năm 2021.*

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch cơ cấu lại ngành nông nghiệp tỉnh Bạc Liêu giai đoạn 2021 - 2025.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Giám đốc, Thủ trưởng các Sở, Ban, Ngành tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố Bạc Liêu và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận: 

- Như Điều 3;
- TT. Tỉnh ủy;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Các Tổ chức chính trị - xã hội tỉnh;
- Ngân hàng NNVN CN tỉnh Bạc Liêu;
- UBND các huyện, TX, TP;
- PCVP tổng hợp;
- Lưu: VT, (Trang 13).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH** 



Phạm Văn Thiệu

KẾ HOẠCH

Cơ cấu lại ngành nông nghiệp tỉnh Bạc Liêu giai đoạn 2021 - 2025

(Ban hành kèm theo Quyết định số 23/H /QĐ-UBND

ngày 20 tháng 5 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

Để triển khai, quán triệt và tổ chức thực hiện có hiệu quả Quyết định số 255/QĐ-TTg ngày 25 tháng 02 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Kế hoạch cơ cấu lại ngành nông nghiệp giai đoạn 2021 - 2025; Ủy ban nhân dân tỉnh Bạc Liêu ban hành Kế hoạch thực hiện cơ cấu lại ngành nông nghiệp tỉnh Bạc Liêu giai đoạn 2021 - 2025, với những nội dung sau:

I. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung:

Tiếp tục cơ cấu lại ngành nông nghiệp gắn với xây dựng nông thôn mới, phát triển nông nghiệp theo hướng ứng dụng công nghệ cao, phát triển bền vững, sản xuất hàng hóa lớn, năng suất, chất lượng, giá trị gia tăng cao và nâng cao khả năng cạnh tranh; bảo vệ môi trường, sinh thái; nâng cao thu nhập cho người dân nông thôn, đảm bảo an ninh lương thực và an ninh quốc phòng. Đẩy mạnh phát triển nền nông nghiệp hiện đại, nông nghiệp sạch, nông nghiệp hữu cơ, gắn với phát triển công nghiệp chế biến nông sản, thích ứng với biến đổi khí hậu; trọng tâm là tập trung ứng dụng công nghệ cao, quản trị hiện đại, liên kết chuỗi giá trị; lúa gạo chất lượng cao gắn với phát triển thêm nhiều cánh đồng lớn, tổ chức sản xuất theo chuỗi giá trị nông sản phù hợp lợi thế của từng vùng; phát triển kinh tế biển, gắn với bảo đảm quốc phòng an ninh, phát huy vai trò là trụ cột của nền kinh tế, góp phần thực hiện đạt và vượt mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh trong giai đoạn 2021 - 2025.

2. Mục tiêu đến năm 2025:

- Duy trì tăng trưởng, nâng cao hiệu quả và khả năng cạnh tranh thông qua tăng năng suất, chất lượng và giá trị gia tăng. Hoàn thành dự án xây dựng Khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao phát triển tôm Bạc Liêu (giai đoạn 2).

- Sản lượng thủy sản đạt 600.000 tấn (trong đó tôm 300.000 tấn, sản lượng tôm sản xuất theo hướng hữu cơ 20.500 tấn, chiếm 3,42% so với tổng sản lượng thủy sản); sản lượng lúa đạt 1.175.000 tấn (trong đó sản lượng lúa sản xuất theo hướng hữu cơ 190.240 tấn, chiếm 16,19% so với tổng sản lượng lúa); sản lượng muối đạt 55.000 tấn (trong đó muối trắng 7.000 tấn); tỷ lệ che phủ rừng, cây phân tán và cây lâu năm đạt 11,36% diện tích tự nhiên.

- Tỷ trọng lao động làm việc trong khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản 44% tổng số lao động toàn tỉnh.

- Có 42 xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao; 15 xã đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu; các huyện Vĩnh Lợi, Hoà Bình, Hồng Dân, Đông Hải đạt chuẩn nông thôn mới và thị xã Giá Rai hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới; huyện Phước Long, thành phố Bạc Liêu hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới kiểu mẫu/huyện nông thôn mới kiểu mẫu. Tỉnh Bạc Liêu được Thủ tướng Chính phủ công nhận hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới.

- Phát triển mới thêm 103 sản phẩm, dịch vụ (*nâng lên 171 sản phẩm, dịch vụ*); phần đầu có sản phẩm OCOP được công nhận, chứng nhận đạt tiêu chuẩn 05 sao; xây dựng thêm 05 điểm giới thiệu và bán sản phẩm OCOP trên địa bàn tỉnh.

II. KẾ HOẠCH CƠ CẤU LẠI TRONG TỪNG NGÀNH, LĨNH VỰC

1. Thủy sản:

1.1. Nuôi trồng thủy sản (NTTS):

a) Các chỉ tiêu phát triển:

Diện tích canh tác NTTS 138.888 ha; diện tích NTTS 152.288 ha, trong đó nuôi tôm siêu thâm canh 4.000 ha; nuôi tôm thâm canh, bán thâm canh 31.900 ha; nuôi thủy sản trên đất tôm - lúa 43.000 ha (*nuôi tôm càng xanh+lúa 19.500 ha; nuôi tôm theo quy trình hữu cơ 41.000 ha*); quảng canh cải tiến kết hợp 69.536 ha; nuôi cua, cá và thủy sản khác 3.852 ha. Sản lượng nuôi trồng thủy sản 450.000 tấn, trong đó sản lượng tôm 289.000 tấn (*sản lượng tôm sản xuất theo hướng hữu cơ 20.500 tấn*); cá và thủy sản khác 161.000 tấn.

b) Nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu:

- Tiếp tục phát triển các đối tượng chủ lực (*tôm sú, tôm thẻ chân trắng, cua biển, nhuyễn thể*); thực hiện Đề án “*Xây dựng Bạc Liêu trở thành trung tâm ngành công nghiệp tôm cả nước*”; ưu tiên phát triển diện tích nuôi tôm siêu thâm canh, thâm canh, bán thâm canh; xác định nuôi tôm siêu thâm canh ứng dụng công nghệ cao là điểm nhấn; nhân rộng mô hình nuôi tôm 2 giai đoạn; phát triển ổn định, bền vững mô hình nuôi tôm sinh thái, nuôi tôm sạch (*tôm - lúa, tôm - rừng, rừng - tôm*); ứng dụng rộng rãi NTTS có chứng nhận (*VietGAP, GlobalGAP, Organic, ASC, MSC, ...*). Triển khai thực hiện Đề án nâng cao năng suất tôm nuôi trong mô hình tôm - lúa vùng phía Bắc Quốc lộ 1A và Kế hoạch phát triển mô hình tôm sạch, lúa an toàn theo quy trình hữu cơ áp dụng trên hệ thống canh tác tôm - lúa vùng phía Bắc Quốc lộ 1A, từng bước nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm tôm và lúa đến năm 2025.

- Tập trung đầu tư hoàn chỉnh kết cấu hạ tầng phục vụ nuôi trồng, nhất là Khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao phát triển tôm Bạc Liêu (*giai đoạn 2*), các vùng nuôi tôm siêu thâm canh theo quy trình khép kín trong nhà kính; nuôi tôm thâm canh, bán thâm canh; nuôi trong nhà lưới, nhà màng; vùng sản xuất lúa - tôm đảm bảo an toàn dịch bệnh gắn với xây dựng cánh đồng lớn, phần đầu đạt 30.000 ha; xúc tiến xây dựng vùng sản xuất giống thủy sản ứng dụng công nghệ cao (*quy mô diện tích khoảng 2.400 ha vào năm 2025*). Đầu tư các công trình

thuộc Chương trình mục tiêu phát triển kinh tế thủy sản bền vững và Kế hoạch hành động phát triển ngành tôm đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu.

- Tiếp tục củng cố, phát triển các cơ sở sản xuất tôm giống chất lượng cao, sạch bệnh đáp ứng được nhu cầu tôm giống phục vụ sản xuất trong và ngoài tỉnh; từng bước xây dựng, phát triển thành trung tâm sản xuất tôm giống có quy mô lớn, chất lượng cao, có uy tín ở khu vực Đồng bằng sông Cửu Long và cả nước.

- Tạo điều kiện thuận lợi để thu hút các Công ty, doanh nghiệp triển khai các dự án đầu tư vào Khu Nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao phát triển tôm Bạc Liêu, làm cơ sở lan tỏa và từng bước đầu tư xây dựng khu, vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao trên địa bàn tỉnh; tạo điều kiện và môi trường thuận lợi cho doanh nghiệp hợp tác, liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị với nông dân một cách chặt chẽ, bảo đảm hài hòa lợi ích giữa nông dân và doanh nghiệp; tổ chức lại sản xuất các vùng nuôi trồng thủy sản theo hướng tập trung, sản xuất theo chuỗi giá trị ngành tôm, phát triển bền vững, hiệu quả gắn với xây dựng cánh đồng lớn; khuyến cáo nhân rộng mô hình tổ chức sản xuất và tiêu thụ sản phẩm theo chuỗi giá trị khép kín của Công ty TNHH Việt Úc - Bạc Liêu; xây dựng chuỗi sản xuất tôm đảm bảo an toàn dịch bệnh theo khuyến nghị của Tổ chức Thú y thế giới và yêu cầu của Úc để xuất khẩu tôm đông lạnh nguyên con sang Úc và các nước khác.

- Vận dụng linh hoạt cơ chế, chính sách hiện hành nhằm khuyến khích các thành phần kinh tế đầu tư mở rộng diện tích NTTS; gây nuôi các đối tượng thủy sản khác để đa dạng hóa đối tượng nuôi, nhất là khu vực bãi bồi ven biển của tỉnh.

- Tăng cường kiểm tra điều kiện vệ sinh thú y thủy sản của các cơ sở sản xuất giống, sản xuất thức ăn thủy sản trên địa bàn tỉnh; kiểm soát chặt chẽ chất lượng giống thủy sản, thức ăn, thuốc thú y thủy sản, chế phẩm sinh học, các yếu tố đầu vào khác trong NTTS và kiểm soát chặt chẽ chất lượng thủy sản nguyên liệu phục vụ chế biến, xuất khẩu; thực hiện công tác thanh, kiểm tra đối với các cơ sở, hộ nuôi thủy sản về thực hiện các quy định trong NTTS và bảo vệ môi trường.

1.2. Khai thác, đánh bắt thủy sản:

a) Các chỉ tiêu phát triển:

Số tàu cá 1.000 chiếc (trong đó số tàu có chiều dài 15 m trở lên 500 chiếc), tổng sản lượng thủy sản khai thác biển và nội địa 150.000 tấn (trong đó tôm 11.000 tấn, cá và thủy sản khác 139.000 tấn).

b) Nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu:

- Tiếp tục thực hiện các chính sách về phát triển thủy sản; triển khai thực hiện có hiệu quả Chương trình khai thác hải sản trong Chiến lược phát triển kinh tế biển; tuân thủ quy định quốc tế về bảo vệ nguồn lợi thủy sản, để khắc phục cảnh báo của Ủy ban Châu Âu về chống khai thác thủy sản bất hợp pháp, không báo cáo và không theo quy định (IUU); tập trung phát triển mạnh đội tàu có công suất lớn, trang thiết bị hiện đại, có khả năng đánh bắt xa bờ, dài ngày trên biển gắn với nhiệm vụ đảm bảo quốc phòng an ninh.

- Tiếp tục triển khai chương trình hiện đại hóa tàu cá phù hợp với từng loại nghề đảm bảo tính khả thi và hiệu quả; thực hiện chuyển đổi đối tượng, mùa vụ, ngư trường khai thác theo hướng đẩy mạnh khai thác hải sản xa bờ, tập trung khai thác các loài hải sản có giá trị kinh tế cao, thị trường tiêu thụ tốt gắn với xây dựng và bảo vệ thương hiệu sản phẩm khai thác, đảm bảo nguồn nguyên liệu phục vụ chế biến, xuất khẩu có sản lượng ổn định, áp dụng các tiến bộ khoa học, công nghệ, nhất là công nghệ bảo quản (*hệ thống bảo quản lạnh trang bị cho tàu cá xa bờ đạt 20 - 25%, hầm bảo quản bằng Polyurethane, lót hầm tàu bằng vật liệu inox thay cho gỗ, composite,...*), đảm bảo thu mua 50 - 55% sản lượng khai thác, nhằm nâng cao chất lượng sản phẩm, đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm, giảm tổn thất sau thu hoạch.

- Củng cố, thành lập thêm các tổ, đội khai thác hải sản và các hình thức liên doanh, liên kết, các mô hình dịch vụ hậu cần tiêu thụ sản phẩm trên biển phù hợp với từng nhóm nghề, từng ngư trường và từng vùng biển; nhân rộng các mô hình tổ chức sản xuất hợp tác xã, tổ đoàn kết, mô hình liên kết giữa ngư dân với các cơ sở, doanh nghiệp thu mua, chế biến, tiêu thụ hải sản; đến năm 2025 tỷ lệ lao động trực tiếp trên tàu cá đều trải qua đào tạo nghề đạt 80%.

- Tiếp tục thực hiện phát triển kinh tế biển tỉnh Bạc Liêu đến năm 2025, định hướng đến năm 2030, nhằm hiện thực hóa “trụ cột thứ 5” về phát triển kinh tế biển; thực hiện Đề án phát triển nghề khai thác viễn dương và tổ chức đưa ngư dân đi khai thác hải sản ở vùng biển một số nước, các thỏa thuận hợp tác về nghề cá Việt Nam đã ký kết với các nước; tuyên truyền, vận động các hộ ngư dân chấm dứt tình trạng đánh bắt hải sản trái phép ở các vùng biển ngoài nước.

- Đầu tư xây dựng và đưa vào khai thác sử dụng các dự án khu neo đậu tránh trú bão, cảng cá, bến cá, nhất là Dự án nâng cấp mở rộng Cảng cá Gành Hào thành cảng cá loại I; khuyến khích các thành phần kinh tế đầu tư xây mới, nâng cấp các cơ sở dịch vụ nghề cá ven biển (*cơ khí, đóng, sửa tàu cá,...*) và phát triển công nghiệp hỗ trợ phục vụ ngành khai thác thủy sản.

2. Nông nghiệp:

2.1. Lĩnh vực trồng trọt:

a) Các chỉ tiêu phát triển:

Diện tích gieo trồng lúa 193.732 ha (*diện tích sản xuất theo hướng hữu cơ 41.000 ha*), sản lượng 1.175.000 tấn (*sản lượng lúa sản xuất theo hướng hữu cơ 190.240 tấn*). Thực hiện cánh đồng lớn gắn với bao tiêu lúa gạo đạt 100.000 ha gieo trồng lúa, chiếm trên 51% diện tích gieo trồng; xây dựng vùng sản xuất lúa giống chất lượng cao, sạch bệnh quy mô 1.700 ha.

b) Nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu:

- Tập trung đầu tư phát triển các sản phẩm chủ lực: Lúa gạo chất lượng cao và đặc sản; rau, quả công nghệ cao. Xây dựng các vùng sản xuất hữu cơ phù hợp với các sản phẩm chủ lực và tại các vùng sinh thái trên địa bàn tỉnh.

- Giữ ổn định diện tích đất chuyên trồng lúa nước 58.600 ha ở Tiểu vùng giữ ngọt ổn định phía Bắc Quốc lộ 1A; mở rộng địa bàn sản xuất lúa trên đất tôm - lúa đạt 43.000 - 48.000 ha ở Tiểu vùng chuyển đổi sản xuất phía Bắc Quốc lộ 1A, gắn với đầu tư hoàn thiện kết cấu hạ tầng, nhất là hệ thống công trình thủy lợi phân ranh mặn, ngọt; nạo vét hệ thống kênh mương bị bồi lắng; phát triển hệ thống trạm bơm điện vừa và nhỏ; từng bước thực hiện kiên cố hóa kênh mương (*gia cố bờ kênh, xây dựng cống, đập, trạm bơm*); phát triển vùng sản xuất lúa hàng hóa chất lượng cao (*lúa thơm, lúa đặc sản*), lúa chịu mặn mang thương hiệu Bạc Liêu, trong đó vùng lúa chất lượng cao chiếm khoảng 92% diện tích gieo trồng (*giống lúa thơm 110.000 ha, giống lúa đặc sản địa phương 25.000 ha (giống lúa tài nguyên 10.000 ha tập trung chủ yếu ở huyện Vĩnh Lợi,... giống lúa Một bụi đỏ 15.000 ha tập trung chủ yếu ở huyện Hồng Dân và huyện Phước Long (sản xuất theo hướng hữu cơ 300 ha), giống lúa thơm nhẹ, không thơm 40.000 ha*); lúa chất lượng trung bình, thấp và giống khác chiếm khoảng 8% diện tích gieo trồng.

- Tập trung xây dựng và phát triển thêm nhiều cánh đồng lớn nâng cao chuỗi giá trị gia tăng, phát triển bền vững, hiệu quả và liên kết bao tiêu lúa gạo; xây dựng chỉ dẫn địa lý, thương hiệu sản phẩm lúa, gạo chất lượng cao mang thương hiệu Bạc Liêu; xây dựng vùng sản xuất lúa giống chất lượng cao, kháng sâu bệnh, chống chịu được hạn hán, xâm nhập mặn, đáp ứng nhu cầu phục vụ sản xuất trên địa bàn tỉnh; khuyến cáo nông dân áp dụng các biện pháp thâm canh bền vững, thực hiện tốt các quy định về môi trường trong sử dụng vật tư và xử lý chất thải nông nghiệp; áp dụng công nghệ tưới tiết kiệm và sử dụng các giống lúa mới có năng suất, chất lượng cao, kháng sâu bệnh, có khả năng thích ứng với biến đổi khí hậu.

- Xây dựng vùng sản xuất rau an toàn (*Măng Tây, ngò rí,...*) trên cơ sở áp dụng thực hành nông nghiệp tốt (GAP) trong sản xuất để đảm bảo an toàn thực phẩm.

- Nhân rộng các mô hình nông nghiệp đô thị, mô hình trồng nấm, mô hình đưa màu xuống ruộng; đẩy mạnh cải tạo vườn tạp, trồng các loại cây ăn trái có giá trị.

- Triển khai thực hiện đồng bộ các giải pháp bảo tồn vườn cây nhãn cổ 150 ha tại xã Hiệp Thành và cây xoài cổ tại xã Vĩnh Trạch Đông, thành phố Bạc Liêu; nhân rộng giống Thanh nhãn Bạc Liêu trên đất cát giồng ven biển.

- Hỗ trợ tập huấn khuyến nông và các dịch vụ tư vấn nhằm nâng cao kỹ thuật trồng, chăm sóc, thu hoạch, bảo quản cho nông dân.

2.2. Lĩnh vực chăn nuôi:

a) Các chỉ tiêu phát triển:

Đàn heo 250.000 con; đàn trâu, bò 4.000 con; đàn dê 12.000 con; đàn gia cầm 3.500.000 con; thịt hơi các loại 49.800 tấn; trứng gia cầm 75.000.000 quả.

b) Nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu:

- Xây dựng các vùng chăn nuôi theo hướng hữu cơ, an toàn sinh học với các vật nuôi chủ lực như: Heo, bò, dê, gia cầm.

- Tiếp tục thực hiện các giải pháp ổn định phát triển chăn nuôi, cơ cấu lại đàn vật nuôi theo lợi thế của từng tiểu vùng sinh thái (*trâu, bò, dê*); phát triển đàn vật nuôi theo nhu cầu thị trường và các đối tượng vật nuôi mới có khả năng phát triển đầy tiềm năng (*cá sấu, chim yến, bò câu, vịt biển và một số động vật khác,...*); các giải pháp phòng chống dịch bệnh trên gia súc, gia cầm (*nhất là dịch tả heo Châu Phi, lở mồm long móng, heo tai xanh và cúm gia cầm*). Khuyến khích phát triển chăn nuôi tập trung theo mô hình trang trại, công nghiệp, bán công nghiệp gắn với các cơ sở giết mổ, chế biến và xử lý chất thải, đảm bảo an toàn thực phẩm và vệ sinh môi trường.

- Chuyển dịch cơ cấu chăn nuôi theo hướng tăng tỷ trọng đàn heo trong đàn vật nuôi; khuyến khích áp dụng công nghệ cao, tổ chức sản xuất khép kín hoặc liên kết giữa các khâu trong chuỗi giá trị từ sản xuất giống, thức ăn đến chế biến để nâng cao năng suất, cắt giảm chi phí, tăng hiệu quả và giá trị gia tăng.

- Nâng cao chất lượng con giống, hướng dẫn nông dân chăn nuôi theo hướng VietGAP, áp dụng các tiến bộ kỹ thuật vào chăn nuôi, rút ngắn thời gian nuôi, giảm giá thành chăn nuôi, nâng cao hiệu quả kinh tế trong chăn nuôi.

- Thực hiện có hiệu quả các chính sách của Nhà nước về phát triển chăn nuôi trang trại, công nghiệp, xây dựng các cơ sở giết mổ, chế biến sản phẩm gia súc, gia cầm tập trung và chính sách hỗ trợ thiệt hại khi gặp rủi ro do thiên tai, dịch bệnh.

3. Lâm nghiệp:

3.1. Các chỉ tiêu phát triển:

Giữ ổn định diện tích lâm phần đến năm 2025 đạt 4.313,18 ha (*trong đó có rừng 3.274,32 ha*); mô hình tôm rừng (*ngoài 03 loại rừng*) 4.726 ha (*trong đó có rừng 1.417,62 ha*); tỷ lệ che phủ rừng, cây phân tán và cây lâu năm 11,36% diện tích tự nhiên. Nuôi dưỡng diện tích rừng sản xuất theo mô hình lâm - ngư kết hợp đã đến tuổi tía thưa để nâng cao chất lượng rừng, tăng khả năng phòng hộ.

3.2. Nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu:

Quản lý, bảo vệ và phát triển rừng theo hướng vừa bảo tồn đa dạng sinh học vừa kết hợp du lịch sinh thái, ứng phó hiệu quả với biến đổi khí hậu, nâng cao sinh kế cho người làm nghề rừng. Tiếp tục thực hiện chủ trương của Tỉnh ủy về việc giao doanh nghiệp quản lý, bảo vệ và phát triển rừng phòng hộ ven biển Đông kết hợp với phát triển du lịch sinh thái; phát triển và tăng cường quản lý hệ sinh thái rừng đặc dụng Vườn chim Bạc Liêu và khu rừng áp Canh Điền, huyện Đông Hải theo hướng vừa bảo vệ quỹ gen, bảo đảm đa dạng sinh học, vừa kết hợp du lịch sinh thái; đẩy mạnh thực hiện trồng rừng trên đất bãi bồi ven biển và trồng rừng trên các khu vực bị sạt lở, trồng các loại cây đa tác dụng, đa mục tiêu; tích cực vận động, khuyến khích và tạo điều kiện để các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân trồng rừng phía trong đê biển ở những nơi có điều kiện (*trồng rừng trong mô hình tôm - rừng*), tạo điều kiện nâng cao thu nhập cho người làm nghề rừng; trồng rừng phòng hộ môi trường, bảo vệ cơ sở hạ tầng, trồng cây phân tán trong khuôn viên

các cơ quan, khu dân cư; phát triển ổn định diện tích trồng cây lâu năm, tích cực vận động nhân dân cải tạo vườn tạp để trồng các loại cây có giá trị kinh tế cao, góp phần nâng cao độ che phủ, tạo cảnh quan môi trường sinh thái, giảm phát thải khí gây hiệu ứng nhà kính trên địa bàn tỉnh. Chủ động thực hiện công tác phòng cháy, chữa cháy rừng, đảm bảo kịp thời xử lý các tình huống không để xảy ra cháy rừng trên địa bàn tỉnh, nhất là khu vực Vườn chim Bạc Liêu.

- Thực hiện tốt công tác chăm lo đời sống vật chất, tinh thần cho người làm nghề rừng và thực hiện di dời những hộ đang sinh sống ở khu vực ven rừng, đầu kênh ngoài đê biển và hộ dân cư trú bất hợp pháp trong lâm phần vào định cư phía trong đê biển, có kế hoạch đào tạo nghề phù hợp để người dân ổn định cuộc sống.

4. Diêm nghiệp:

4.1. Các chỉ tiêu phát triển:

Diện tích sản xuất muối 1.500 ha (trong đó muối trái bọt 100 ha) sản lượng muối đạt 55.000 tấn (trong đó muối trắng 7.000 tấn).

4.2. Nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu:

- Thực hiện chuyển đổi nhanh từ phương thức sản xuất muối đen sang phương thức sản xuất muối trắng trái bọt; tạo điều kiện cho các tổ chức, cá nhân tiếp cận các nguồn vốn để đầu tư ứng dụng các tiến bộ khoa học, công nghệ vào sản xuất muối; đẩy mạnh thực hiện cơ giới hóa, giảm giá thành sản xuất, nâng cao thu nhập, giảm thiểu ảnh hưởng của thời tiết và thực hiện tốt công tác bảo vệ môi trường.

- Tập trung đầu tư hoàn chỉnh kết cấu hạ tầng vùng muối, ưu tiên đầu tư xây dựng vùng sản xuất muối ứng dụng công nghệ cao (tại xã Long Điền Đông và xã Diên Hải, huyện Đông Hải) nhằm đáp ứng nhu cầu tiêu dùng, nguyên liệu cho công nghiệp chế biến và xuất khẩu.

- Nhân rộng mô hình hợp tác, liên kết giữa diêm dân và doanh nghiệp trong sản xuất gắn với chế biến, tiêu thụ, xây dựng cánh đồng muối lớn trong sản xuất muối chất lượng cao trên địa bàn tỉnh, hoàn thiện các chính sách thu hút, kêu gọi đầu tư các doanh nghiệp chế biến muối thành các sản phẩm có giá trị cao được sử dụng trong y tế, công nghiệp,....

- Nghiên cứu, áp dụng khoa học, công nghệ nâng cao giá trị và sản lượng muối, tận dụng phụ phẩm từ hoạt động làm muối phục vụ nuôi trồng thủy sản, phát triển chỉ dẫn địa lý “muối ăn Bạc Liêu” và đẩy mạnh quảng bá thương hiệu muối Bạc Liêu trong và ngoài nước.

5. Xây dựng nông thôn mới (XDNTM) gắn với cơ cấu lại nông nghiệp :

- Tiếp tục chỉ đạo thực hiện Chương trình xây dựng nông thôn mới gắn với cơ cấu lại ngành nông nghiệp. Xây dựng nông thôn mới phát triển toàn diện, bền vững gắn với đô thị hóa; nâng cao chất lượng tiêu chí xây dựng nông thôn mới văn minh, xanh, sạch, đẹp, bình an, giàu bản sắc văn hóa truyền thống, từng bước tiếp cận điều kiện về hạ tầng và dịch vụ của các đô thị. Tăng cường chỉ đạo phát triển sản xuất, tăng thu nhập cho người lao động; mỗi xã căn cứ vào điều kiện cụ thể

lựa chọn một số sản phẩm hàng hóa chủ lực xây dựng mô hình, hướng dẫn và hỗ trợ nông dân phát triển sản xuất.

- Nâng cao hiệu quả công tác tuyên truyền, học tập, quán triệt về các cơ chế, chính sách mới, cách làm hay, mô hình hiệu quả và các điển hình tiên tiến nhằm nâng cao nhận thức, tạo sự đồng thuận cao và tích cực hưởng ứng học tập và làm theo của các tầng lớp nhân dân trên địa bàn tỉnh; nâng cao vai trò của Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội và sự nhiệt tình hưởng ứng của nhân dân trong việc thực hiện các tiêu chí XDNTM nâng cao, kiểu mẫu.

- Nâng cao chất lượng giáo dục, đào tạo, xây dựng đời sống văn hóa nông thôn mới; huy động mọi nguồn lực để đầu tư, cải tạo làm chuyển biến một bước hạ tầng cơ bản ở ấp và xã trực tiếp gắn với phát triển sản xuất, phục vụ đời sống nhân dân. Chú trọng các giá trị văn hóa truyền thống (*bảo tồn, tôn tạo và phát huy các giá trị di sản văn hóa*), chuyển đổi các làng nghề có điều kiện thành các điểm du lịch, kết nối các tuyến du lịch trong vùng và giữa các vùng lân cận. Nâng cấp, phát triển cả về quy mô và chất lượng dịch vụ y tế tuyến cơ sở, nhất là cấp huyện.

- Ngăn chặn, kiểm soát và xử lý kịp thời tình trạng ô nhiễm môi trường ở các làng nghề, các cơ sở sản xuất, kinh doanh; tình trạng ô nhiễm môi trường từ rác thải, chất thải do hoạt động trồng trọt, chăn nuôi, sản xuất, kinh doanh ở khu vực nông thôn, đặc biệt là bao gói thuốc bảo vệ thực vật sau sử dụng.

- Quan tâm chỉ đạo nâng dần chất lượng công tác đào tạo nghề cho lao động nông thôn và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ XDNTM các cấp, nhất là cấp cơ sở, từng bước đáp ứng được nhu cầu, nhiệm vụ được giao.

6. Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP):

Tiếp tục thực hiện Đề án Chương trình mỗi xã một sản phẩm; hỗ trợ các chủ thể hoàn thiện hồ sơ đăng ký sản phẩm OCOP tham gia đánh giá, phân hạng. Phối hợp với các đơn vị có liên quan kiểm tra, hướng dẫn các chủ thể trong việc sử dụng, in logo và thứ hạng sao trên sản phẩm OCOP; kiểm tra định kỳ về tiêu chuẩn, chất lượng các sản phẩm OCOP. Xây dựng chính sách hỗ trợ thiết kế bao bì, logo sản phẩm, hỗ trợ máy móc, trang thiết bị, hỗ trợ xây dựng phát triển 20 nhãn hiệu, thương hiệu sản phẩm nông sản của địa phương,... cho 10 lượt chủ thể có sản phẩm đã được công nhận/năm; xây dựng ít nhất 05 điểm giới thiệu, bán sản phẩm OCOP trên địa bàn tỉnh. Tham gia Hội chợ giới thiệu sản phẩm OCOP và các cuộc Hội nghị kết nối cung cầu sản phẩm OCOP trong và ngoài tỉnh.

III. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Công tác tuyên truyền, giáo dục:

- Các Sở, Ngành, cấp ủy, chính quyền huyện, thị xã, thành phố và cơ sở tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến các chủ trương, đường lối của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước về cơ cấu lại ngành nông nghiệp, nâng cao nhận thức cho các cấp, các ngành và nhân dân về xây dựng nền sản xuất nông nghiệp hàng hóa cạnh tranh quốc tế và thích ứng với biến đổi khí hậu; nâng cao vai trò trách nhiệm của các cấp, các ngành, khuyến khích sự tham gia của các tổ

chức xã hội nhằm tạo sức mạnh tổng hợp để thực hiện có hiệu quả Kế hoạch cơ cấu lại nông nghiệp giai đoạn 2021 - 2025.

- Các cơ quan thông tin đại chúng của tỉnh nâng cao chất lượng tuyên truyền, phổ biến các chủ trương, nghị quyết, chỉ thị của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước về cơ cấu lại ngành nông nghiệp bằng nhiều hình thức, nhất là phổ biến những mô hình hiệu quả, cách làm hay.

2. Tiếp tục đổi mới, hoàn thiện cơ chế, chính sách, huy động nguồn lực:

2.1. Chính sách đất đai:

Rà soát, cập nhật, bổ sung và hoàn thiện chính sách đất đai theo thẩm quyền; rà soát, lập, điều chỉnh các quy hoạch theo hướng bảo vệ và nâng cao hiệu quả sử dụng đất nông nghiệp; đề xuất hủy bỏ những quy hoạch không khả thi, thu hồi đất đối với những dự án không hiệu quả hoặc chủ đầu tư không đảm bảo năng lực tài chính để thực hiện dự án; tạo mọi điều kiện để thu hút vốn đầu tư theo hướng bảo đảm hài hòa lợi ích giữa các nhà đầu tư và nhân dân, nhất là các dự án có vốn đầu tư quy mô lớn và những ngành, lĩnh vực tỉnh đang khuyến khích, thu hút đầu tư; tạo điều kiện tập trung, tích tụ đất nông nghiệp để thúc đẩy cơ giới hóa, tổ chức sản xuất theo nhu cầu của thị trường và đảm bảo thích ứng với biến đổi khí hậu.

2.2. Chính sách tài chính, tín dụng; huy động nguồn lực:

- Tiếp tục thực hiện tốt các chính sách tín dụng của Chính phủ, Ngân hàng Nhà nước về phát triển nông nghiệp, nông thôn; rà soát, bổ sung các chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn; mở rộng mạng lưới hoạt động của các tổ chức tín dụng trên địa bàn nông thôn, tạo điều kiện thuận lợi hơn nữa cho người dân tiếp cận vốn tín dụng và các dịch vụ ngân hàng để phát triển sản xuất, kinh doanh.

- Rà soát, phân loại các dự án đầu tư, điều chỉnh phương thức và nguồn vốn đầu tư để thu hút tối đa nguồn lực đầu tư xã hội vào lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn; xây dựng cơ chế lồng ghép các chương trình, dự án đầu tư cho phát triển nông nghiệp, nông thôn và huy động các nguồn lực đầu tư từ nguồn vốn ODA, FDI và nguồn vốn từ các thành phần kinh tế cho phát triển sản xuất, kinh doanh, dịch vụ phục vụ nông nghiệp, nông thôn. Phát triển hệ thống bảo hiểm nông nghiệp để hạn chế rủi ro trong sản xuất, kinh doanh nông nghiệp.

- Xây dựng và triển khai cơ chế, chính sách hỗ trợ và khuyến khích đổi mới, sáng tạo và khởi nghiệp trong lĩnh vực phát triển nông nghiệp, nông thôn; hỗ trợ tiếp cận thông tin khoa học, kỹ thuật, thị trường; hỗ trợ nghiên cứu chuyển giao ứng dụng tiến bộ kỹ thuật. Tiếp tục nghiên cứu, đề xuất sửa đổi các quy định khuyến khích và ưu đãi đầu tư áp dụng tại tỉnh cho phù hợp với các quy định mới của Chính phủ nhằm hỗ trợ tích cực cho các nhà đầu tư, nhất là lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn.

3. Nâng cao trình độ nghiên cứu, chuyển giao và ứng KHCN:

- Xác định khoa học, công nghệ là nhiệm vụ trọng tâm xuyên suốt quá trình thực hiện cơ cấu lại ngành nông nghiệp theo hướng bền vững, nâng cao chất

lượng, giá trị gia tăng gắn với xây dựng nông thôn mới và bảo vệ môi trường. Tổ chức triển khai thực hiện có hiệu quả các chính sách của Nhà nước về phát triển khoa học và công nghệ.

- Đẩy mạnh nghiên cứu và ứng dụng có hiệu quả các thành tựu khoa học, công nghệ, nhất là công nghệ cao, công nghệ số, công nghệ thông tin trong toàn bộ các khâu của chuỗi giá trị sản xuất nông, lâm, ngư, diêm nghiệp; tăng cường sự kết nối đồng bộ giữa nghiên cứu với chuyển giao tiến bộ khoa học, công nghệ với các ngành, lĩnh vực khác để hình thành nền sản xuất nông nghiệp thông minh, sử dụng hiệu quả nguồn tài nguyên, lao động nhằm tạo sự đột phá về năng suất, chất lượng, nâng cao giá trị gia tăng, nâng cao thu nhập trên đơn vị diện tích, khả năng cạnh tranh của nông sản hàng hóa trên thị trường và phát triển bền vững của ngành nông nghiệp.

- Thực hiện đồng bộ các giải pháp nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về hoạt động khoa học và công nghệ trong lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn; phát huy năng lực sáng tạo của mọi cá nhân, doanh nghiệp, tổ chức; khuyến khích mạnh mẽ mọi tổ chức, cá nhân nghiên cứu, sáng tạo, ứng dụng khoa học, công nghệ, sáng kiến nâng cao năng suất lao động, đáp ứng yêu cầu phát triển nông nghiệp, nông thôn; khuyến khích và tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế nghiên cứu phát triển và ứng dụng khoa học, công nghệ vào nông nghiệp phù hợp với cơ chế thị trường. Phát triển thị trường công nghệ nông nghiệp trên cơ sở đảm bảo quyền sở hữu trí tuệ.

- Tiếp tục tuyển chọn dự án đầu tư vào Khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao phát triển tôm Bạc Liêu, nhằm hỗ trợ, tác động, dẫn dắt nền nông nghiệp của tỉnh, tạo ra các sản phẩm nông nghiệp công nghệ cao; nghiên cứu ứng dụng, thử nghiệm và trình diễn mô hình sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao; tư vấn, chuyển giao công nghệ, phổ biến nhân rộng mô hình. Đầu tư xây dựng các vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao theo quy hoạch; xem xét thẩm định, quyết định công nhận vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao theo các quy định về tiêu chí, thẩm quyền, trình tự, thủ tục công nhận vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao.

4. Đổi mới, phát triển các hình thức tổ chức sản xuất:

- Tiếp tục thực hiện Đề án phát triển, nâng cao hiệu quả hoạt động của hợp tác xã nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu giai đoạn 2020 - 2025, định hướng đến năm 2030.

- Tạo điều kiện cho kinh tế hộ gia đình phát triển trên nguyên tắc khuyến khích các hộ có khả năng về vốn, lao động và kinh nghiệm mở rộng quy mô sản xuất theo hình thức trang trại. Khuyến khích liên doanh liên kết các trang trại, thành lập các hợp tác xã nông sản để thúc đẩy sản xuất hàng hóa quy mô lớn. Đồng thời, hỗ trợ và tạo điều kiện thuận lợi cho các hộ nghèo, hộ khó khăn sản xuất giảm nghèo, vươn lên làm giàu.

- Khuyến khích các doanh nghiệp liên kết sản xuất, chế biến và tiêu thụ thủy sản hàng hóa; tạo điều kiện cho các doanh nghiệp tham gia thực hiện các phương án hợp tác, hội nhập kinh tế quốc tế, giữ vững mối quan hệ với các đối tác đã được thiết lập, đẩy mạnh hoạt động xuất khẩu; gắn kết nông dân với thị trường và doanh nghiệp; đẩy mạnh thực hiện chương trình hợp tác với Thành phố Hồ Chí Minh và thành phố Cần Thơ trong sản xuất, chế biến và tiêu thụ thủy sản.

- Thực hiện tốt các chính sách khuyến khích phát triển kinh tế tư nhân, nhất là doanh nghiệp vừa và nhỏ ở nông thôn, nhằm thúc đẩy chuyển đổi cơ cấu sản xuất và cơ cấu lao động; đẩy mạnh công tác đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực đáp ứng nhu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế.

- Tiếp tục thực hiện chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp theo Nghị định số 98/2018/NĐ-CP ngày 05 tháng 7 năm 2018 của Chính phủ. Đẩy mạnh liên kết 6 nhà “Nhà nông - Nhà nước - Nhà khoa học - Nhà doanh nghiệp - Nhà băng - Nhà hàng” để mô hình liên kết mang lại hiệu quả, hướng đến phát triển toàn diện, hiện đại và bền vững.

- Đảm bảo cung ứng đầy đủ nhu cầu vật tư nông nghiệp phục vụ sản xuất; tăng cường công tác thanh, kiểm tra để hạn chế tình trạng vật tư nông nghiệp kém chất lượng lưu thông, mua bán trên địa bàn gây ảnh hưởng xấu đến sản xuất; đồng thời, thông báo các trường hợp vi phạm trên các phương tiện thông tin đại chúng.

5. Phát triển kết cấu hạ tầng nông nghiệp, nông thôn và hạ tầng thương mại:

- Đầu tư hệ thống thủy lợi, đa mục tiêu đảm bảo cấp nước phục vụ cho sản xuất nông nghiệp (*nhất là các vùng trồng lúa tập trung; vùng nuôi thủy sản thâm canh theo hướng công nghiệp, ứng dụng công nghệ cao*), ưu tiên đầu tư phục vụ các lĩnh vực sản xuất có lợi thế, các vùng khó khăn về nguồn nước; xây dựng hệ thống công trình thủy lợi phải phù hợp với đặc điểm từng tiểu vùng, kết hợp chặt chẽ với phát triển giao thông nông thôn đảm bảo phòng chống, giảm nhẹ thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu và nước biển dâng.

- Thực hiện chương trình đổi mới và nâng cao hiệu quả quản lý, khai thác và vận hành các công trình thủy lợi; ứng dụng các công nghệ tiên tiến trong thiết kế xây dựng và quản lý các công trình thủy lợi; thực hiện tốt công tác duy tu, bảo dưỡng và sửa chữa hệ thống công trình theo đúng quy trình bảo trì và vận hành được cấp thẩm quyền phê duyệt, không để xảy ra sự cố công trình do chủ quan, xử lý kịp thời các sự cố, đảm bảo cho toàn hệ thống công trình vận hành an toàn, ổn định.

- Xây dựng hoàn thành đưa vào sử dụng một số dự án, công trình trọng tâm thích ứng với biến đổi khí hậu như: Kè hai bên bờ sông thành phố Bạc Liêu; Kè chống sạt lở cửa sông, ven biển thị trấn Gành Hào, huyện Đông Hải; Kè chống sạt lở cửa biển Nhà Mát, thành phố Bạc Liêu (*phía bờ Tây kênh 30/4*); Dự án xây dựng hệ thống công trình ngăn triều, chống ngập cho thành phố Bạc Liêu và vùng lân cận (*cổng Nhà Mát; cổng Chùa Phật*); Dự án gây bồi tạo bãi và trồng cây chống xói lở khu vực biển Nhà Mát; Dự án gây bồi tạo bãi, khôi phục rừng phòng

hộ ven biển tỉnh Bạc Liêu; Dự án chống xói lở gây bồi, trồng rừng ngập mặn chống xói lở, bảo vệ đê biển Gành Hào; Dự án đoạn kè cấp bách chống sạt lở bảo vệ đê biển khu vực cửa biển Nhà Mát (*phía Đông kênh 30/4*); Dự án sửa chữa nâng cấp mái đê, khắc phục sạt lở, nâng cấp 7 km đê cấp bách trên địa bàn thành phố Bạc Liêu; Dự án xây dựng nâng cấp đê biển Đông và hệ thống cống qua đê cấp bách chống biến đổi khí hậu tỉnh Bạc Liêu. Hoàn thành các dự án đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng vùng sản xuất lúa - tôm Vĩnh Lộc và thị xã Giá Rai; dự án các trạm bơm điện; dự án nạo vét tuyến kênh trục Hòa Bình, các công trình thủy nông nội đồng theo quy hoạch, nạo vét kênh mương bị bồi lắng đảm bảo tưới, tiêu phục vụ sản xuất, nhất là đối với vùng phía Bắc Quốc lộ 1A.

- Tiếp tục thực hiện các dự án cảng cá, bến cá kết hợp khu neo đậu tránh, trú bão (*hoàn thành nâng cấp cảng cá Gành Hào đạt tiêu chí cảng cá loại I*); tập trung đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng phòng chống thiên tai đồng bộ, ưu tiên cải tạo, nâng cấp, tu bổ và xây dựng mới hệ thống đê sông, đê biển, đảm bảo phòng, chống, hạn chế tác động của triều cường gây ngập lụt, sạt lở đất, xâm nhập mặn do nước biển dâng, nhất là đối với vùng phía Nam Quốc lộ 1A và vùng ven biển. Hoàn thành hệ thống công trình kè chống sạt lở cửa sông, cửa biển; gia cố chống xói lở bờ biển: Dự án chống ngập Quốc lộ 1A; kè cấp bách xử lý sạt lở cửa sông ven biển thị trấn Gành Hào, huyện Đông Hải; gia cố chống xói lở bờ biển Nhà Mát, thành phố Bạc Liêu (*giai đoạn 2*); gia cố chống xói lở bờ biển Vĩnh Trạch Đông, Nhà Mát.

- Xây dựng và triển khai chính sách ưu đãi thu hút các thành phần kinh tế tham gia đầu tư phát triển hạ tầng thương mại (*chợ đầu mối, hệ thống bán buôn, bán lẻ, cửa hàng tiện lợi...*) ở khu vực nông thôn, tạo ra sự đa dạng của các loại hình tổ chức phân phối, để thúc đẩy tiêu thụ nội địa đối với nông sản.

6. Phát triển cơ giới hóa nông nghiệp và công nghiệp chế biến nông sản; phát triển công nghiệp hỗ trợ và dịch vụ logistic:

- Đầu tư nâng cấp, hoàn thiện kết cấu hạ tầng nông thôn phù hợp việc áp dụng cơ giới hóa đồng bộ từng bước tiến tới tự động hóa ở tất cả các khâu sản xuất, bảo quản, chế biến nông sản, phù hợp với điều kiện từng vùng sản xuất hàng hóa tập trung, từng loại cây trồng, vật nuôi chính như: lúa, rau màu, thủy sản,... Đồng thời, hình thành các tổ chức dịch vụ cơ giới hóa nông nghiệp để nâng cao hiệu quả của áp dụng cơ giới hóa. Bên cạnh đó, tập trung đẩy mạnh phát triển công nghiệp hỗ trợ (*chế tạo máy, thiết bị phục vụ nông nghiệp...*) và đào tạo nguồn nhân lực sử dụng thành thạo các máy móc, thiết bị đáp ứng nhu cầu phát triển sản xuất hàng hóa lớn trong nông nghiệp.

- Đẩy mạnh các hoạt động xúc tiến đầu tư, mời gọi các doanh nghiệp trong và ngoài nước đầu tư xây dựng các nhà máy chế biến nông sản với máy móc, thiết bị tiên tiến, hiện đại áp dụng theo quy trình công nghệ cao, thân thiện với môi trường và quản lý chất lượng hiện đại trong bảo quản, chế biến nông sản gắn với phát triển các vùng nguyên liệu tập trung được cơ giới hóa đồng bộ đáp ứng theo nhu cầu của thị trường. Đa dạng hóa sản phẩm chế biến, ưu tiên đầu tư phát triển

công nghiệp chế biến sâu, chế biến tinh, chế biến công nghệ cao; tăng chế biến từ các phụ phẩm của sản xuất nông nghiệp để nâng cao giá trị gia tăng; khuyến khích các doanh nghiệp đầu tư đổi mới công nghệ, máy móc, thiết bị, cải tạo nâng cấp và mở rộng quy mô sản xuất và áp dụng hệ thống quản lý chất lượng an toàn thực phẩm theo các tiêu chuẩn quốc tế; đảm bảo kiểm soát được chất lượng, an toàn thực phẩm và truy xuất nguồn gốc sản phẩm, đáp ứng tốt các yêu cầu của thị trường tiêu thụ, bảo vệ môi trường.

- Phát triển công nghiệp hỗ trợ và dịch vụ logistic phục vụ nông nghiệp. Xây dựng và triển khai cơ chế, chính sách khuyến khích phát triển công nghiệp cơ khí và công nghệ sinh học phục vụ nông nghiệp và chế biến nông lâm, thủy sản; tranh thủ tối đa các nguồn vốn từ ngân sách Trung ương, vốn ODA, kết hợp thu hút đầu tư theo hình thức đối tác công tư (PPP) để phát triển hạ tầng logistic, nhất là triển khai thực hiện các dự án giao thông theo quy hoạch như đường cao tốc Bạc Liêu - Hà Tiên, đường Hồ Chí Minh qua địa bàn tỉnh Bạc Liêu, đường ven biển, ĐT.982B Bờ Tây kênh Láng Trâm, cầu Chủ Chí và đường Hộ Phòng - Chủ Chí (đoạn còn lại để sớm kết nối với đường Hồ Chí Minh), đường từ cầu Tôn Đức Thắng - Vườn Nhãn, cảng biển, cảng thủy nội địa,... Tăng cường sự phối hợp với các tỉnh Sóc Trăng, Hậu Giang, Kiên Giang, Cà Mau để đầu tư các tuyến giao thông kết nối tạo điều kiện thúc đẩy liên kết vùng. Tập trung chỉ đạo đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án mở rộng, nâng cấp đường Ninh Quới - Ngan Dừa, cầu Xẻo Vệt, đường Hộ Phòng - Gành Hào, đường Đông Phó Sinh - Cạnh Đèn, đường Phước Long - Phong Thạnh Tây B, đường từ cầu Phước Long 2 đi Ba Đình, đường Gành Hào - Giá Rai - Phó Sinh - Cạnh Đèn (ĐT.980), các tuyến đường ô tô về trung tâm xã, đường giao thông nông thôn,... Có cơ chế, chính sách hợp lý để tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp tham gia đầu tư hạ tầng kho bãi phục vụ phát triển sản xuất, bảo quản, chế biến nông sản; đầu tư phương tiện và mở các tuyến vận tải mới theo quy hoạch góp phần tăng năng lực vận tải hàng hóa và luân chuyển hành khách.

- Phát triển các cụm công nghiệp, dịch vụ hỗ trợ phát triển sản xuất, kinh doanh nông nghiệp tại các vùng sản xuất nông nghiệp tập trung nhằm nâng cao hiệu quả kinh tế, thương mại của các mặt hàng nông sản.

7. Nâng cao công tác quản lý chất lượng, an toàn thực phẩm:

- Tích cực phổ biến, tuyên truyền các văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến an toàn thực phẩm, tăng cường kiểm tra, thanh tra và việc chấp hành pháp luật về an toàn thực phẩm; phổ biến áp dụng các quy chuẩn, tiêu chuẩn Việt Nam về an toàn thực phẩm cho các cơ sở, sản xuất, chế biến kinh doanh nông sản phù hợp với quy định quốc tế; hướng dẫn các doanh nghiệp những quy định và điều kiện đảm bảo an toàn thực phẩm trong chế biến nông sản, tham gia chuỗi sản xuất với mô hình liên kết cộng đồng và thực hiện truy xuất nguồn gốc cho các nhà máy chế biến trên địa bàn tỉnh; tăng cường nâng cao nhận thức cho người dân, nhất là các chủ thể sản xuất, kinh doanh nông nghiệp về sản xuất nông nghiệp bền vững, đảm bảo chất lượng sản phẩm, bảo vệ sức khỏe người tiêu dùng.

- Áp dụng các hệ thống quản lý chất lượng tiên tiến của thế giới như HACCP, ISO 22000,... trong tất cả các cơ sở chế biến nông sản, nhất là các cơ sở chế biến xuất khẩu để đảm bảo chất lượng, an toàn thực phẩm. Rà soát, góp ý xây dựng hoàn thiện hệ thống tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quản lý chất lượng sản phẩm, vật tư nông nghiệp, quy trình kỹ thuật sản xuất đảm bảo hài hòa hóa với tiêu chuẩn, quy chuẩn khu vực và quốc tế phù hợp với các cam kết quốc tế mà Việt Nam đã ký kết, nhằm tạo điều kiện thuận lợi mở rộng thị trường xuất khẩu nông sản; rà soát, góp ý xây dựng mới các QCVN và TCVN hài hòa với tiêu chuẩn quốc tế như ISO, CODEX và các tiêu chuẩn khu vực, thị trường lớn nhằm hội nhập quốc tế; đề xuất loại bỏ và thay thế các tiêu chuẩn lạc hậu không đáp ứng các yêu cầu trong tình hình mới; khuyến khích áp dụng công nghệ tin học, tự động kết nối điện thoại thông minh, xây dựng các phần mềm truy xuất nguồn gốc sản phẩm nông sản, tăng niềm tin của người tiêu dùng và trách nhiệm, uy tín của nhà sản xuất.

- Tổ chức lại sản xuất các vùng trồng trọt, chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản theo hướng trang trại, gia trại, tổ hợp tác, hợp tác xã an toàn dịch bệnh, an toàn sinh học, nhất là các vùng sản xuất tập trung, trọng điểm, vùng sản xuất nguyên liệu phục vụ công nghiệp chế biến. Tăng cường mối quan hệ hợp tác với các tổ chức quốc tế, các trường đại học trên thế giới về công tác kiểm soát các loại dịch hại, dịch bệnh nhằm hạn chế dịch hại, dịch bệnh xuyên biên giới và sự lây lan giữa các vùng, các địa phương; khuyến khích cách tiếp cận đa ngành trong phòng trừ, kiểm soát dịch bệnh.

8. Đào tạo nguồn nhân lực:

- Xác định việc phát triển nguồn nhân lực là khâu “đột phá”, tập trung đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp; chuyển dịch cơ cấu kinh tế, lao động ở nông thôn sang lĩnh vực công nghiệp, dịch vụ và ngành nghề nông thôn; ưu tiên đào tạo nhân lực có trình độ chuyên môn cao, đủ trình độ tiếp cận công nghệ hiện đại để tạo bước đột phá trong nghiên cứu, chọn, tạo và sản xuất giống, công nghệ di truyền, nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao để giải quyết kịp thời những thách thức của ngành do những tiêu cực của biến đổi khí hậu, của các đối tượng dịch hại trong quá trình sản xuất.

- Đổi mới công tác đào tạo nghề cho lao động nông thôn theo hướng nâng cao chất lượng, hiệu quả đào tạo; thực hiện đào tạo theo nhu cầu học nghề của lao động nông thôn, nhu cầu sử dụng lao động của doanh nghiệp và yêu cầu của thị trường lao động; gắn đào tạo nghề với chiến lược, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội (*phần đầu tỷ lệ lao động qua đào tạo đến năm 2025 khoảng 67,62 %, trong đó có chứng chỉ đào tạo 23,78%*), quy hoạch xây dựng nông thôn mới, đáp ứng nhiệm vụ cơ cấu lại ngành nông nghiệp và giảm nghèo bền vững; tạo điều kiện thuận lợi để lao động nông thôn tham gia các chương trình đào tạo phù hợp với trình độ học vấn, điều kiện kinh tế đáp ứng yêu cầu hội nhập và từng bước tiếp cận trình độ tiên tiến của khu vực và thế giới.

- Đẩy mạnh công tác đào tạo, bồi dưỡng sử dụng cán bộ, công chức của ngành nhằm xây dựng đội ngũ công chức hành chính, viên chức sự nghiệp, chuyên

gia giỏi về chuyên môn và đạo đức nghề nghiệp, đáp ứng nhu cầu phát triển nền nông nghiệp hiện đại và hội nhập quốc tế.

9. Về tăng cường năng lực hội nhập quốc tế, phát triển thị trường:

- Tổ chức lại thị trường phù hợp với xu thế phát triển của cách mạng công nghiệp 4.0, tạo động lực thúc đẩy sản xuất. Phát triển thị trường nội địa với sự tham gia của các thành phần kinh tế và sự đa dạng của các loại hình tổ chức phân phối, tiêu thụ nông, lâm, thủy sản; xây dựng thương hiệu và bảo vệ thương hiệu sản phẩm chủ lực và đặc sản của địa phương gắn với chỉ dẫn địa lý, chất lượng cao, đảm bảo an toàn thực phẩm, thân thiện với môi trường.

- Nâng cao tính minh bạch, hiệu quả trong hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước về thương mại hàng nông sản; tập trung triển khai thực hiện hiệu quả các cam kết hội nhập quốc tế; đề xuất các giải pháp bảo vệ hàng hóa sản xuất trong tỉnh, bảo vệ quyền lợi của người tiêu dùng và bảo đảm vững chắc an ninh lương thực trên địa bàn tỉnh, nhưng không vi phạm các cam kết với các tổ chức quốc tế và các quốc gia mà Việt Nam đã ký kết.

- Đầu tư nâng cao năng lực nghiên cứu, đẩy mạnh kiểm soát chất lượng theo các tiêu chuẩn quốc tế và khu vực; ứng dụng công nghệ thông tin trong thu thập, cung cấp thông tin, dự báo, phân tích thị trường nông sản trong nước và thế giới cho nông dân và doanh nghiệp; phát triển mạnh thương mại điện tử trong sản xuất, kinh doanh nông nghiệp; hỗ trợ tiếp thị, quảng bá, phát triển thị trường và chuyên gia công nghệ; nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác xúc tiến thương mại và các hoạt động đối ngoại; giữ vững thị trường truyền thống (*Nhật, Mỹ, EU, Hàn Quốc, Trung Quốc, Asean*) và phát triển mở rộng thị trường mới (*Châu Âu, Trung Đông, Châu Phi, Nam Mỹ, Australia,...*); tăng cường cung cấp, phổ biến thông tin và các hướng dẫn thực thi cam kết trong khuôn khổ hợp tác kinh tế quốc tế (*ASEAN, WTO, APEC, ASEM,...*) và các hiệp định kinh tế - thương mại, đặc biệt là các Hiệp định Thương mại tự do thế hệ mới (FTA), nổi bật là Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (*CPTPP*), Hiệp định Thương mại tự do giữa Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Liên minh Châu Âu (*EVFTA*) để nâng cao năng lực hội nhập cho doanh nghiệp, tiếp cận, mở rộng thị trường xuất khẩu và đầu tư (*AEC, TPP, RCEP,...*); tạo điều kiện cho các doanh nghiệp tham gia thực hiện các phương án hợp tác, hội nhập kinh tế quốc tế, giữ vững mối quan hệ với các đối tác đã được thiết lập, đẩy mạnh hoạt động xuất khẩu.

10. Bảo vệ tài nguyên, môi trường nâng cao khả năng thích ứng với biến đổi khí hậu, phòng chống thiên tai:

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức cho người dân về bảo vệ môi trường. Xây dựng và triển khai chính sách xã hội hóa công tác bảo vệ môi trường, khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường nông thôn, nhất là ở các làng nghề; xây dựng hệ thống cảnh báo quan trắc và phân tích môi trường, xây dựng các công trình xử lý chất thải rắn tại các bãi rác tập trung quy mô liên xã, liên huyện đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường.

- Tăng cường áp dụng các biện pháp sử dụng nước tưới tiết kiệm; quản lý, sử dụng hiệu quả, an toàn các loại phân bón, hóa chất, thuốc bảo vệ thực vật, chất thải chăn nuôi, trồng trọt, công nghiệp chế biến và chất thải ở các làng nghề, góp phần làm giảm phát thải khí nhà kính.

- Sử dụng vật liệu xây dựng mới, tiên tiến, thân thiện với môi trường trong xây dựng đô thị, sử dụng năng lượng tái tạo, xây dựng hệ thống giao thông, thoát nước, hệ thống đê bao thích ứng biến đổi khí hậu.

- Thực hiện lồng ghép các kịch bản biến đổi khí hậu, nước biển dâng vào các chương trình, đề án, dự án thực hiện cơ cấu lại ngành có những phương án, giải pháp ứng phó kịp thời, hiệu quả; đầu tư xây dựng mạng lưới cảnh báo, dự báo thiên tai, khí tượng thủy văn, theo dõi chặt chẽ quá trình biến đổi khí hậu, nước biển dâng tại khu vực ven biển, xây dựng các phương án tổ chức ứng phó kịp thời.

- Tăng cường mối quan hệ hợp tác với các tổ chức quốc tế để nắm bắt kịp thời thông tin, diễn biến tình hình biến đổi khí hậu, nước biển dâng.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chịu trách nhiệm:

Chủ trì, phối hợp với các Sở, Ban, Ngành, đơn vị chức năng có liên quan và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố triển khai thực hiện Kế hoạch cơ cấu lại nông nghiệp giai đoạn 2021 - 2025; nghiên cứu, đề xuất cơ chế, chính sách huy động các nguồn lực xã hội để thực hiện Kế hoạch; tổng hợp, đánh giá tình hình thực hiện hàng năm, báo cáo Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh và Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn theo quy định; đề xuất sửa đổi, bổ sung Kế hoạch khi cần thiết.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư chịu trách nhiệm:

Ưu tiên bố trí vốn ngân sách nhà nước cho Ngành Nông nghiệp thực hiện các nhiệm vụ cơ cấu lại ngành nông nghiệp; chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các Sở, Ngành, đơn vị chức năng có liên quan và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố nghiên cứu, sửa đổi, bổ sung cơ chế, chính sách thu hút vốn đầu tư từ các thành phần kinh tế ngoài Nhà nước cho nông nghiệp, nông thôn; nghiên cứu cơ chế, chính sách phát triển các hình thức đầu tư có sự tham gia của Nhà nước và tư nhân (PPP/PPC).

3. Sở Tài chính chịu trách nhiệm:

Phối hợp với các Sở, Ngành chức năng có liên quan và các địa phương thẩm định, cân đối nhu cầu kinh phí và khả năng cân đối của địa phương trình Ủy ban nhân dân, Hội đồng nhân dân tỉnh bố trí ngân sách theo phân cấp cho các cơ quan, đơn vị, địa phương thực hiện Kế hoạch cơ cấu lại ngành nông nghiệp giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh đúng theo quy định hiện hành.

4. Sở Công Thương chịu trách nhiệm:

Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn rà soát các chính sách thương mại, các rào cản kỹ thuật, đề nghị Trung ương xem xét điều chỉnh, bổ

sung, nhằm tạo thuận lợi thúc đẩy xuất khẩu hàng hóa nông, thủy sản và bảo vệ sản xuất trong nước; phát triển công nghiệp chế biến nông, lâm, thủy sản, công nghiệp chế biến thức ăn gắn với sản xuất nông nghiệp, đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm và an ninh lương thực trên địa bàn tỉnh, góp phần đảm bảo an ninh lương thực quốc gia; phối hợp với các ngành, địa phương liên quan đẩy mạnh đầu tư phát triển lưới điện phục vụ sản xuất nông nghiệp (*các trạm bơm điện và các vùng nuôi tôm thâm canh, bán thâm canh*) điện phục vụ công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp nông thôn; đồng thời, phối hợp với Cục Quản lý thị trường tăng cường công tác kiểm tra, kiểm soát thị trường, để kiểm soát chặt chẽ và xử lý nghiêm các hành vi buôn lậu, gian lận thương mại, sản xuất và kinh doanh hàng giả, hàng kém chất lượng, nhất là các mặt hàng nông, lâm, thủy sản và vật tư nông nghiệp.

5. Sở Giáo dục, Khoa học và Công nghệ chịu trách nhiệm:

Chủ trì và phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, các Sở, Ngành, đơn vị chức năng có liên quan và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố tham mưu triển khai thực hiện Chương trình phát triển sản phẩm quốc gia đến năm 2030, trong đó có các sản phẩm chủ lực của ngành nông nghiệp trên địa bàn tỉnh; Đề án thúc đẩy xuất khẩu nông lâm thủy sản đến năm 2030; tổ chức thực hiện các chính sách hỗ trợ công nghệ bảo quản, chế biến, đóng gói, nâng cao năng suất, chất lượng hàng hóa và chủ trì thực hiện các giải pháp đăng ký bảo hộ thương hiệu cho các sản phẩm nông lâm thủy sản của địa phương. Rà soát, điều chỉnh, bổ sung các cơ chế, chính sách có liên quan tới tăng cường năng lực nghiên cứu, ứng dụng, chuyển giao khoa học, công nghệ và tiến bộ kỹ thuật, xã hội hóa nguồn lực cho phát triển khoa học, công nghệ, hỗ trợ Ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thực hiện Kế hoạch này; ưu tiên xem xét tuyển chọn và tổ chức triển khai các nhiệm vụ khoa học và công nghệ, ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật, công nghệ phục vụ sản xuất nông nghiệp; nghiên cứu đề xuất các mô hình, quy trình canh tác thích nghi với điều kiện sinh thái của từng vùng nhằm nâng cao hiệu quả, giá trị sản xuất, đảm bảo phát triển bền vững trên địa bàn tỉnh.

6. Sở Tài nguyên và Môi trường chịu trách nhiệm:

Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố rà soát, kiểm soát chặt chẽ quy hoạch và quản lý, thực hiện quy hoạch sử dụng đất và đề xuất các chính sách liên quan đến đất đai, tài nguyên, bảo vệ môi trường và đa dạng sinh học theo hướng tạo thuận lợi cho nông nghiệp, nông thôn phát triển bền vững; tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra việc chấp hành các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường trong quá trình hoạt động đối với các dự án đầu tư phát triển kinh tế - xã hội, các đơn vị, các cơ sở sản xuất, kinh doanh và hỗ trợ xử lý, khắc phục ô nhiễm môi trường.

7. Sở Y tế chịu trách nhiệm:

Chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, các Sở, Ngành, đơn vị chức năng có liên quan và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố triển khai thực hiện Luật An toàn thực phẩm, Chiến lược an ninh dinh dưỡng và vệ sinh môi trường nông thôn.

8. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội chịu trách nhiệm:

Chủ trì phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn rà soát, đề xuất, kiến nghị sửa đổi, bổ sung các chính sách hỗ trợ đào tạo nghề nông nghiệp, nông thôn gắn với quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế khu vực nông thôn; đào tạo nghề theo nhu cầu sử dụng lao động của các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh, hợp tác xã,... lập kế hoạch đào tạo nguồn nhân lực, đặc biệt là nhân lực chất lượng cao phục vụ sản xuất, kinh doanh nông nghiệp, chế biến, bảo quản nông sản đáp ứng nhu cầu cơ cấu lại ngành nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới.

9. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chi nhánh tỉnh Bạc Liêu:

Chỉ đạo các tổ chức tín dụng trên địa bàn tích cực triển khai các chương trình tín dụng đối với lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn theo chỉ đạo của Chính phủ và Thủ tướng Chính phủ; ưu tiên tập trung vốn phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn; phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn rà soát các cơ chế, chính sách tín dụng để đề xuất, kiến nghị Chính phủ sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với tình hình thực tiễn nhằm hỗ trợ ngành nông nghiệp phát triển bền vững.

10. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, các tổ chức chính trị - xã hội:

Phối hợp tham gia thực hiện bằng nhiều hình thức và phương pháp thích hợp, tổ chức tuyên truyền sâu rộng và thường xuyên nội dung của Kế hoạch đến toàn thể đoàn viên, hội viên và các tầng lớp nhân dân trong tỉnh; vận động đoàn viên, hội viên đi đầu trong công tác tuyên truyền về cơ cấu lại ngành nông nghiệp trên địa bàn tỉnh; xây dựng và triển khai chương trình phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố để thực hiện đạt các mục tiêu của Kế hoạch đề ra.

11. Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố chịu trách nhiệm:

Triển khai rà soát, điều chỉnh, tích hợp quy hoạch, cơ cấu lại sản xuất theo hướng tập trung phát triển cây trồng, vật nuôi có lợi thế của địa phương, có khả năng cạnh tranh phù hợp với quy hoạch phát triển của ngành và nhu cầu thị trường; nghiên cứu, xây dựng mô hình sản xuất và các cơ chế, chính sách hỗ trợ phát triển phù hợp, hiệu quả; nghiên cứu cơ chế, chính sách khuyến khích đầu tư phù hợp với tiềm năng, lợi thế và nhu cầu của địa phương để thu hút vốn đầu tư xã hội cho phát triển nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn

Trong quá trình thực hiện nếu vướng mắc, đề nghị các cơ quan, đơn vị báo cáo về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để phối hợp tháo gỡ kịp thời, trường hợp vượt thẩm quyền, tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, chỉ đạo xử lý./.